

Số: 1520/HD-DHDT

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 05 năm 2016

HƯỚNG DẪN

Triển khai thực hiện Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021

Căn cứ Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/03/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Trường Đại học Duy Tân hướng dẫn các thủ tục, quy trình về việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên hệ chính quy theo quy định của Chính phủ. Cụ thể như sau:

1. Đối tượng được miễn học phí

1.1. Người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng được hợp nhất tại văn bản số 01/VBHN-VPQH ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Văn phòng Quốc hội. Cụ thể:

1.1.1. Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Thương binh; Người hưởng chính sách như thương binh; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến (nếu có);

1.1.2. Sinh viên là con của người người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945; con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 (nếu có); con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; con của liệt sỹ; con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; con của bệnh binh; con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

1.2. Sinh viên bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

1.3. Sinh viên hệ cử tuyển (kể cả học sinh cử tuyển học nghề nội trú với thời gian đào tạo 3 tháng trở lên).

1.4. Sinh viên người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;



1.5. Sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn. Cụ thể:

+ Người dân tộc thiểu số rất ít người bao gồm: La Hù, La Ha, Pà Thèn, Lự, Ngái, Chứt, Lô Lô, Mảng, công, Cờ Lao, Bô Y, Si la, Pu Páo, Rơ Măm, BRâu, Ó Đu;

+ Vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn xác định theo các văn bản dưới đây:

- Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 01/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2013-2015.

- Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2014 và năm 2015.

- Quyết định số 582/QĐ-UBND ngày 18/12/2013 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi vào diện đầu tư của Chương trình 135 và Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 08/5/2014 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về phê duyệt bổ sung thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của chương trình 135 năm 2014 và năm 2015.

- Quyết định số 495/QĐ-TTg ngày 08/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2014 và năm 2015.

- Quyết định số 1049/QĐ-TTg ngày 26/6/2014 của Thủ tướng chính phủ ban hành danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn.

- Các xã thuộc huyện nghèo theo Nghị định số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo và Quyết định 1791/QĐ-TTg ngày 01/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung huyện mạn Nhùn tỉnh Lai Châu, huyện Mâm Pô tỉnh Điện Biên vào danh mục các huyện nghèo được hưởng các cơ chế chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo.

- Các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đại bàn có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn được quy định tại Phụ lục II ban hành Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đầu tư.

- Các quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc quy định mới về chính sách các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn (nếu có).

2. Đối tượng được giảm 70% học phí

Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở vùng điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của cơ quan có thẩm quyền. Cụ thể:

+ Người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) theo quy định ở mục 1.5.

+ Vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: được quy định của các văn bản ghi tại mục 1.5 (trừ các văn bản quy định vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn).

3. Đối tượng được giảm 50% học phí

Sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

4. Phương thức cấp bù tiền miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập

Phòng lao động-thương binh và xã hội các địa phương (nơi sinh viên đăng ký hộ khẩu) chịu trách nhiệm chi trả, quyết toán kinh phí cấp bù học phí trực tiếp bằng tiền mặt cho cha mẹ sinh viên đang học các trường Đại học, Cao đẳng hoặc trung cấp ngoài công lập. (Sinh viên thuộc đối tượng miễn, giảm học phí ở mục 1, mục 2 và mục 3 đều phải thực hiện nghĩa vụ đóng học phí bình thường như mọi sinh viên khác cho Nhà trường). Hàng năm (học kỳ 1 vào tháng 10 hoặc tháng 11 và học kỳ 2 vào tháng 3 hoặc tháng 4) Phòng lao động - thương binh và xã hội sẽ cấp bù tiền miễn giảm học phí tiền hỗ trợ chi phí học tập cho cha mẹ sinh viên theo quy định của nghị định 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

5. Hồ sơ và thủ tục xét miễn, giảm cấp bù học phí và hỗ trợ chi phí học tập

5.1. Đối với sinh viên mới nhập học (lần đầu tiên thực hiện việc miễn giảm), hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp bù tiền miễn, giảm học phí (theo mẫu: Phụ lục VI);
- Giấy xác nhận của Nhà trường (theo mẫu: Phụ lục VII);
- Thẻ Thương binh, bệnh binh hoặc các giấy chứng nhận của cha, mẹ hoặc sinh viên thuộc đối tượng được miễn giảm học phí tại mục 1, mục 2 và mục 3 (phô tô công chứng);
- Giấy khai sinh của sinh viên (phô tô công chứng);
- Giấy báo trúng tuyển Đại học, Cao đẳng (hoặc giấy gọi nhập học) (phô tô công chứng);
- Hóa đơn nộp học phí

Tất cả 6 loại giấy tờ trên, sinh viên hoặc cha mẹ sinh viên nộp tại phòng Lao động thương binh và xã hội địa phương để được xét cấp tiền miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định của Chính phủ.

5.2. Đối với sinh viên làm thủ tục xin xét miễn giảm lần thứ 2 trở đi, hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp bù tiền miễn, giảm học phí (theo mẫu: Phụ lục VI);
- Giấy xác nhận của Nhà trường (theo mẫu: Phụ lục VII);
- Hóa đơn nộp học phí của học kỳ tương ứng.
- Giấy chứng nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo (đối với sinh viên thuộc đối tượng ở mục 1.2 và mục 1.4)



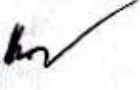
Tất cả 4 loại giấy tờ trên, sinh viên hoặc cha mẹ sinh viên nộp tại phòng Lao động-thương binh và xã hội địa phương để được xét cấp tiền miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định của Chính phủ.

Ghi chú: Tất cả các biểu mẫu trên (đơn, giấy xác nhận) đều có tại website của phòng Công tác Sinh viên (Website: <http://hssv.duytan.edu.vn>) hoặc trực tiếp đến phòng 109 cơ sở 182 Nguyễn Văn Linh để hướng dẫn và được cung cấp biểu mẫu.

Đề nghị các khoa, phòng, ban có liên quan và Giảng viên CVHT quán triệt đầy đủ để sinh viên nhà trường biết và thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng (để b/c);
- Các Phó Hiệu trưởng (để p/h chỉ đạo);
- Các Khoa có SV;
- Phòng: TC-KT;ĐT ĐH&SDH
- Đăng Website,
- Lưu: VP, CTSV

KT. HIỆU TRƯỞNG 



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS. Nguyễn Hữu Phú

Phụ lục VI

Đơn đề nghị cấp bù tiền miễn, giảm học phí

(Kèm theo Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP BÙ TIỀN MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

(Dùng cho học sinh, sinh viên đang học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học ngoài công lập hoặc tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học thuộc doanh nghiệp nhà nước, tổ chức kinh tế)



Kính gửi: Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội (cấp huyện)

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh:

Lớp:..... Khóa.....Khoa:

Họ tên cha/mẹ học sinh, sinh viên:.....

Hộ khẩu thường trú (ghi đầy đủ):.....

Xã (Phường):Huyện (Quận):

Tỉnh (Thành phố):

Thuộc đối tượng: (ghi rõ đối tượng được quy định tại Thông tư liên tịch hướng dẫn Nghị định 86).....

Căn cứ vào Nghị định số 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ, tôi làm đơn này đề nghị được xem xét, giải quyết để được cấp tiền hỗ trợ miễn, giảm học phí theo quy định và chế độ hiện hành.

....., ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học ngoài công lập hoặc của cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học thuộc doanh nghiệp nhà nước, tổ chức kinh tế.

Trường:

Xác nhận anh/chị:

Hiện là học sinh, sinh viên năm thứ Học kỳ:Năm học.....

khoa khóa học..... thời gian khóa học.....(năm);

Hình thức đào tạo: (ghi rõ hình thức đào tạo: chính quy, liên thông ...).

Kỷ luật: (ghi rõ mức độ kỷ luật nếu có).

Mức thu học phí:đồng/tháng (nếu thu học phí theo tín chỉ thì phải quy đổi về mức thu theo niên chế).

Đề nghị phòng lao động - thương binh và xã hội xem xét giải quyết tiền hỗ trợ miễn, giảm học phí cho anh/chị theo quy định và chế độ hiện hành.

....., ngày tháng năm

TL. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

Phụ lục VII
Giấy xác nhận

(Kèm theo Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN

(Dùng cho các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học ngoài công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học thuộc doanh nghiệp nhà nước, tổ chức kinh tế)



Kính gửi:(1)

Phần I: Dùng cho cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ngoài công lập xác nhận

Trường:

Xác nhận em:

Hiện đang học tại lớp Học kỳ: Năm học:

Phần II: Dùng cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học ngoài công lập hoặc cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học thuộc doanh nghiệp nhà nước, tổ chức kinh tế xác nhận

Trường:

Xác nhận anh/chị:

Hiện là học sinh, sinh viên năm thứ Học kỳ: Năm học:

khoa khóa học thời gian khóa học (năm);

Hình thức đào tạo: (ghi rõ hình thức đào tạo: chính quy, liên thông ...).

Kỷ luật: (ghi rõ mức độ kỷ luật nếu có).

Mức thu học phí: đồng/tháng (nếu thu học phí theo tín chỉ thì phải quy đổi về mức thu theo niên chế).

Đề nghị phòng giáo dục đào tạo/sở giáo dục và đào tạo/phòng lao động-thương binh và xã hội xem xét giải quyết tiền hỗ trợ miễn, giảm học phí cho theo quy định và chế độ hiện hành.

....., ngày tháng năm

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

(1) Trẻ em học mẫu giáo, học sinh trung học cơ sở: gửi phòng GD và ĐT; học sinh học trung học phổ thông: gửi sở GD và ĐT; học sinh, sinh viên học ở cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học: gửi Phòng lao động-thương binh và xã hội.